

Bản án số: 336/2020/DS-PT

Ngày 21 tháng 8 năm 2020

“V/v Tranh chấp liên quan
đến tài sản thi hành án”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp liên quan đến tài sản thi hành án*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 349/2019/DS-ST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1935/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố H;

Địa chỉ: 1309 đường 3/2, Phường 6, Quận 11, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị O – Chấp hành viên (Văn bản ủy quyền số 192/CCTHA ngày 10/11/2016) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Cụ Phạm Thị Tuyết V (Tên gọi khác: Phạm Tuyết V), sinh năm 1948 (chết ngày 15/11/2014); *Người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Phạm Tuyết V:* Ông Chúc Vi P.

2.2. Ông Chúc Vi P, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 18A cư xá Phú Bình, Phường 5, Quận 11, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: 351/6 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của ông Chúc Vi P: Ông Lê Huyền Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: 02/12 đường số 9, KP.4, phường Bình An, Quận 2, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chúc Vi P: Luật sư Nguyễn Đức Lâm – Trung tâm Tư vấn Pháp luật quận Phú Nhuận, Thành phố H (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

3.2. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 231/24 Bis Bình Tiên, Phường 8, Quận 6, Thành phố H. Địa chỉ liên hệ: 18A cư xá Phú Bình, Phường 5, Quận 11, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn Đ và bà Trần Thị Ngọc H: Ông Lê Huyền Đ. Địa chỉ: 2/12 đường số 9, Khu phố 4, phường Bình An, Quận 2, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2020) – Có mặt.

3.3. Bà Chúc Anh T (Chúc Anh T¹ hoặc Chúc, Anh T²), sinh năm 1962; Địa chỉ: 3229 20Th Ave SO Seattle WA 98144-0000 – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Chúc Anh T: Bà Phan Mã Thúy P¹, sinh năm 1979; Địa chỉ: 19R Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2016) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chúc Anh T: Ông Cao Thái Hòa – Trưởng Văn phòng luật sư Cao Thái Hòa và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Có mặt).

3.4. Bà Trần Thị Bích T³, sinh năm 1964 – Vắng mặt;

3.5. Bà Trần Thị Bích P², sinh năm 1968 – Vắng mặt;

3.6. Bà Mạch Phi T⁴, sinh năm 1967 – Vắng mặt;

3.7. Ông Mạch Phúc H¹, sinh năm 1989 – Vắng mặt;

Cùng trú 18A cư xá Phú Bình, Phường 5, Quận 11, Thành phố H;

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Bị đơn ông Chúc Vi P.

4.2. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Mã Thúy P¹ (đại diện cho bà Chúc Anh T).

4.3. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2014 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố H ra Quyết định thi hành án số 96/QĐ-CCTHA ngày 03/4/2013 để thi hành án Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2013/QĐST-DS ngày 30/01/2013 của Tòa án nhân dân

Quận 11, Thành phố H có nội dung ông Chúc Vi P và cụ Phạm Tuyết V trả cho bà Trần Ngọc H và ông Bùi Văn Đ 650.000.000 đồng thời hạn cuối là ngày 25/02/2013. Do cụ V và ông P không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 ra Quyết định số 48/QĐ-CCTHA ngày 06/6/2013 áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên xử lý tài sản chung của ông P và cụ V gồm quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng nhà ở tại số 18A (cư xá Phú Bình), đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố H (Viết tắt nhà đất 18A cư xá Phú Bình) từ 14 giờ 30 phút ngày 24/6/2013.

Do có tranh chấp về tài sản thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của cụ V và ông P trong khối tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 18A cư xá Phú Bình để thi hành án Quyết định số 40/2013/QĐST-DS ngày 30/01/2013 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố H.

Bị đơn ông Chúc Vi P (cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Phạm Tuyết V) cùng người đại diện hợp pháp trình bày:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhà và đất tại số 18A cư xá Phú Bình là của cụ Phạm Tuyết V và cụ Chúc A T⁵ mua của ông Hồng S năm 1973 bằng giấy tay. Cụ T⁵ chết năm 2008, cụ V chết năm 2014 đều không có di chúc. Hai cụ chỉ có một người con duy nhất là ông P. Ngoài ra, cụ Chúc A T⁵ có 02 con riêng là Chúc A P², sinh năm 1959 và Vòng N, sinh năm 1962 (Đã chết trước thời điểm cụ Chúc A T⁵ chết - Quyết định tuyên bố người đã chết số 119/2015/QĐDS-ST ngày 30/6/2015 của Tòa án nhân dân Quận 11). Bà Chúc Anh T là con riêng của vợ trước của cụ Chúc A T⁵. Ông Chúc Vi P đồng ý cho bà Chúc Anh T hưởng 1/3 giá trị di sản của cụ T⁵. Còn Di chúc của cụ T⁵ do bà T xuất trình có hình thức và nội dung không đúng quy định của pháp luật nên di chúc không hợp pháp. Ông P đồng ý trích di sản 70.000.000 đồng để trả chi phí sửa chữa nhà cho bà Trần Thị Ngọc H và ông chịu trách nhiệm trả theo tỷ lệ ông được hưởng di sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chúc Anh T và người đại diện trình bày: Cụ Chúc A T⁵ có vợ là Vòng Vây P³ trước khi chung sống với cụ Phạm Tuyết V. Cụ T⁵ mua nhà đất của ông Hồng S theo giấy ủy quyền nhà ngày 21/6/1973, có chính quyền chế độ cũ chứng thực. Năm 1976 cụ T⁵ mới chung sống với cụ V, nên đây là tài sản riêng của cụ T⁵. Thực tế bà T chính là Vòng N, con của cụ T⁵ nhưng do không có giấy tờ chứng minh nên bà không thể yêu cầu hủy Quyết định của Tòa án nhân dân Quận 11 tuyên bố Vòng N đã chết và do bà yêu cầu chia di sản theo di chúc, không yêu cầu chia di sản theo pháp luật nên cũng không cần chứng minh bà T là con của cụ T⁵. Cụ T⁵ có lập di chúc ngày 02/01/2008 nội dung cụ T⁵ để lại toàn bộ tài sản của cụ hình thành trong tương lai là nhà đất tại 18A cư xá Phú Bình cho Chúc

Anh T 50%, Chúc Vi P và Phạm Tuyết V mỗi người 25%. Do đó, bà T có đơn độc lập yêu cầu công nhận di chúc của cụ T⁵ là hợp pháp và chia di sản cho bà 50%.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc H và ông Bùi Văn Đ đều trình bày: Vợ chồng ông Đ, bà H có nhận cố nhà 18A cư xá Phú Bình của mẹ con cụ V, ông P giá 350.000.000 đồng nên vợ chồng ông Đ, bà H đã vào ở trong nhà này. Sau đó hai bên thỏa thuận mua bán nhà giá 1.150.000.000 đồng nên bà H giao thêm cho cụ V 300.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng làm giấy tờ xong sẽ giao đủ. Do có thỏa thuận nên năm 2009 bà H đã sửa chữa nhà tạm tính trị giá 200.000.000 đồng. Sau đó bà không làm được giấy tờ nên đã khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 11 ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung cụ V, ông P trả cho bà 650.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà H yêu cầu trả cho bà chi phí sửa chữa nhà trước khi chia thừa kế.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 349/2019/DSST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 12 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 246, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 634, Điều 635, khoản 2 Điều 638, điểm b khoản 2 Điều 640, khoản 3 khoản 5 Điều 652, Điều 656, điểm a và b khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 676, khoản 1 Điều 684 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chúc Anh T, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận một phần của đương sự.

1. Xác định giá trị nhà đất tại số 18A Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố H là di sản của cụ Chúc A T⁵ và cụ Phạm Tuyết V.

Giá trị di sản tạm tính theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/01/2018 của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân Thành phố H là 3.183.537.424 đồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Trần Thị Ngọc H được nhận 70.000.000 đồng công sức sửa chữa, bảo quản di sản, được thanh toán từ giá trị di sản trước khi phân chia cho những người được hưởng di sản tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Giá trị còn lại của di sản tạm tính là 3.113.537.424 đồng. Phần tài sản các đương sự được hưởng trong khối di sản còn lại như sau:

Ông Chúc Vi P được hưởng 83,33 % giá trị còn lại của di sản tương đương 2.594.614.520 đồng.

Bà Chúc Anh T được hưởng 16,64% giá trị còn lại của di sản tương đương 518.922.904 đồng.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư ngụ tại nhà đất số 18A Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố H có trách nhiệm giao lại nhà đất theo yêu cầu của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

5. Ghi nhận sự tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đo vẽ, định giá của đương sự;

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Chúc Vi P chịu án phí 83.892.290 đồng và nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Chúc Anh T chịu án phí 24.756.916 đồng và nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 09870 ngày 07/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố H, bà T phải nộp tiếp cho đủ số tiền án phí phải chịu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2019, bị đơn ông Chúc Vi P kháng cáo xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm vì hoàn cảnh khó khăn.

Ngày 16/4/2019, bà Phan Mã Thúy P¹ là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chúc Anh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại Quyết định số 17/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/4/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H kháng nghị phúc thẩm một phần bản án sơ thẩm vì đã nhận định không có cơ sở, trái ý chí của người để lại di sản và sai với sự tự nguyện của các đương sự, các bên thỏa thuận chi phí sửa chữa nhà là 80.000.000 đồng nhưng Bản án sơ thẩm chỉ ghi 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Phan Mã Thúy P¹ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chia cho bà Chúc Anh T 50% giá trị nhà 18A cư xá Phú Bình. Bà đồng ý trước khi chia thừa kế thì khấu trừ tiền sửa chữa nhà cho bà Trần Thị Ngọc H là 80.000.000 đồng. Bà xin rút lại đơn và không yêu cầu định giá lại nhà đất tranh chấp.

Luật sư Cao Thái Hòa đề nghị xem xét nhà số 18A cư xá Phú Bình là tài sản riêng của cụ Chúc A T⁵ vì cụ T⁵ mua nhà này từ trước khi chung sống với cụ Phạm Tuyết V, giấy mua bán nhà cụ V xuất trình là không hợp lệ vì giấy này không có xác nhận của chính quyền, năm 2008 cụ T⁵ cũng đã ủy quyền cho bà T⁶ làm giấy tờ sở hữu nhà cho cụ nói rõ đây là tài sản riêng của cụ T⁵; Di chúc ngày 02/01/2008 được cụ T⁵ lập có giấy khám sức khỏe cụ T⁵ minh mẫn, có 3 người làm chứng gồm 02 cá nhân và 01 pháp nhân nên đủ điều kiện công nhận là di chúc hợp pháp theo Điều 646 Bộ luật dân sự năm 2005; Biên bản hòa giải thành ngày 09/9/2008 có đầy đủ cơ sở pháp lý nên phải được công nhận và kháng nghị của Viện kiểm sát cũng công nhận

tính hợp pháp của di chúc và Biên bản hòa giải này; Cơ quan có thẩm quyền chưa cấp giấy chứng nhận cho cụ V, cụ T⁵ nên không đồng ý yêu cầu của ông P cho rằng nhà đất 18A cư xá Phú Bình là tài sản chung của cụ V với cụ T⁵; Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Chúc Anh T, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận cho bà Chúc Anh T được hưởng 50% giá trị nhà đất 18A cư xá Phú Bình.

Ông Lê Huyền Đ giữ nguyên kháng cáo xin miễn án phí cho ông Chúc Vi P vì hoàn cảnh khó khăn. Không đồng ý kháng cáo của bà Chúc Anh T và không đồng ý kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H. Ông đồng ý trước khi chia thừa kế thì khấu trừ tiền sửa chữa nhà cho bà Trần Thị Ngọc H là 80.000.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Đức Lâm đề nghị xem xét căn nhà 18A cư xá Phú Bình do cụ T⁵ và cụ V kê khai đăng ký sở hữu chung; Di chúc của cụ T⁵ ghi mâu thuẫn về tỷ lệ chia, về hình thức di chúc cũng không hợp pháp như Bản án sơ thẩm đã chỉ ra nên di chúc này là không hợp pháp; Biên bản hòa giải ở Ủy ban nhân dân Phường không phải là Biên bản hòa giải thành ở Tòa án nên không có giá trị thực hiện. Đề nghị bác kháng cáo của bà T và kháng nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị đều hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của ông Chúc Vi P, chấp nhận kháng cáo của bà Chúc Anh T, kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H và ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về số chi phí sửa nhà của bà Trần Thị Ngọc H là 80.000.000 đồng, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Chúc Vi P, đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bà Chúc Anh T và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 đã thực hiện việc thông báo cho người phải thi hành án và người có quyền sở hữu chung đối với tài sản thi hành án, nhưng hết thời hạn quy định họ vẫn không tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung là đúng quy định của Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp tài sản liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án*” và Tòa án nhân dân Thành phố H có thẩm quyền thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 12 Điều 26 và các điều 35, 37, 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Xét kháng cáo của bà Chúc Anh T và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H:

2.1. Cụ Chúc A T⁵ (chết ngày 06/01/2008) với cụ Phạm Tuyết V (chết ngày 15/11/2014) có một người con duy nhất là ông Chúc Vi P.

Tuy không có văn bản, tài liệu để chứng minh bà Chúc Anh T là con của cụ Chúc A T⁵, nhưng cụ Phạm Tuyết V và ông Chúc Vi P đều thừa nhận bà Chúc Anh T là con của cụ Chúc A T⁵, nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Như vậy, người thừa kế hàng thứ nhất của cụ Chúc A T⁵ có 03 người gồm cụ V, ông P và bà T. Người thừa kế duy nhất của cụ V là ông P.

2.2. Cụ Chúc A T⁵ chung sống với cụ Phạm Tuyết V từ trước năm 1977, có một người con duy nhất là ông Chúc Vi P, sinh năm 1977. Hai cụ kết hôn trễ hạn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 197/88 Quyền số 01/P.20 ngày 12/3/1988. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai cụ được công nhận kể từ ngày hai cụ chung sống với nhau như vợ chồng trên thực tế (Điều 3 Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ), quan hệ hôn nhân, gia đình của hai cụ được điều chỉnh theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, nên theo quy định tại Điều 15 của Luật này thì hai cụ đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới, do đó nhà đất số 18A cư xá Phú Bình là tài sản chung của hai cụ nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Chúc Anh T và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H yêu cầu xác định nhà đất số 18A cư xá Phú Bình là tài sản riêng của cụ A T⁵.

2.3. Biên bản hòa giải ngày 09/9/2008 (bút lục 190-195) chưa được Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền công nhận, nên thỏa thuận của các bên chỉ được đảm bảo thực hiện khi các bên tự nguyện thi hành. Sau khi thỏa thuận thì các đương sự vẫn có quyền thay đổi ý kiến. Thực tế cụ V và ông P đã thay đổi ý kiến nên không có căn cứ để buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận tại biên bản này.

2.4. Bà Chúc Anh T cung cấp bản Di chúc ngày 02/01/2008 có chữ ký và điểm chỉ đề tên Chúc A T⁵ (bút lục 43-44), có chữ ký của hai người làm chứng (Chương Vĩnh S⁴ và Nguyễn Thị Ngọc H⁴), có xác nhận và đóng dấu của Công ty Luật hợp danh Kim T⁶ và cộng sự. Di chúc này bằng chữ đánh máy vi tính, không phải do cụ Chúc A T⁵ tự tay viết ra, không có căn cứ để xác định cụ Chúc A T⁵ là người biết chữ, Công ty Luật hợp danh Kim T⁵ và cộng sự cũng không có chức năng công

chứng hoặc chứng thực di chúc. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 thì Di chúc ngày 02/01/2008 có chữ ký và điểm chỉ đề tên Chúc A T⁵ không đảm bảo điều kiện của di chúc hợp pháp.

2.5. Biên bản phiên tòa ngày 02/4/2019 và 11/4/2019 (bút lục 278) thể hiện các đương sự thỏa thuận thống nhất chi phí bà Trần Thị Ngọc H sửa chữa nhà là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bên đương sự đều tự nguyện thỏa thuận thống nhất khấu trừ khoản chi phí vợ chồng bà Trần Thị Ngọc H sửa chữa nhà là 80.000.000 đồng trước khi chia di sản, nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H là phù hợp, sửa Bản án sơ thẩm phần này.

2.6. Từ các căn cứ nêu trên, có căn cứ để xác định nhà đất số 18A cư xá Phú Bình là tài sản chung của cụ Chúc A T⁵ và cụ Phạm Tuyết V theo phần mỗi người 50%. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Chúc Anh T và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H;

Cụ T⁵ chết, người thừa kế của cụ T⁵ gồm: cụ V, ông P, bà T nên mỗi người được hưởng 1/3 di sản của cụ T⁵ (để đảm bảo thi hành án nên làm tròn cho ông P, bà T mỗi người được 16,67%; cụ V được 16,66%).

Như vậy, sau khi thanh toán cho vợ chồng bà Trần Thị Ngọc H, Bùi Văn Đ khoản chi phí sửa nhà 80.000.000 đồng, giá trị còn lại của nhà đất 18A cư xá Phú Bình được xác định như sau:

Cụ Phạm Tuyết V có quyền sở hữu 50% và được thừa kế của cụ Chúc A T⁵ 16,66%. Tổng cộng phần của cụ V là 66,66%.

Ông Chúc Vi P được hưởng thừa kế của cụ Chúc A T⁵ 16,67% và được hưởng thừa kế toàn bộ di sản của cụ Phạm Tuyết V bằng 66,66%. Tổng cộng 83,33%.

Bà Chúc Anh T được hưởng thừa kế của cụ Chúc A T⁵ 16,67%.

Bản án sơ thẩm xác định tỷ lệ quyền sở hữu của từng người trong khối tài sản chung chưa chính xác, cần sửa lại cho phù hợp theo nhận định trên.

[3] Đối với kháng cáo của ông Chúc Vi P: Ông P không cung cấp được xác nhận của chính quyền địa phương là ông có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; đồng thời trong vụ án này ông được nhận thừa kế di sản có giá trị rất lớn, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông xin miễn giảm án phí.

[4] Về án phí:

4.1. Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Giá trị nhà đất số 18A cư xá Phú Bình tạm tính theo Biên bản định giá ngày 09/01/2018 là 3.183.537.424 đồng. Khấu trừ chi phí sửa chữa nhà cho vợ chồng bà H, ông Đ 80.000.000 đồng, giá trị còn lại của nhà đất số 18A cư xá Phú Bình là 3.103.537.424 đồng.

4.1.1. Bà Chúc Anh T được hưởng 16,67% # 517.359.689 đồng, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.694.388 đồng, làm tròn 24.694.200 đồng.

4.1.2. Ông Chúc Vi P được hưởng 83,33% # 2.586.177.735 đồng, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.723.555 đồng, làm tròn 83.723.500 đồng.

4.2. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư ngụ tại nhà đất số 18A cư xá Phú Bình có trách nhiệm giao lại nhà đất theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền; về chi phí khảo sát, đo đạc không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Chúc Vi P, không chấp nhận kháng cáo của bà Chúc Anh T và không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 349/2019/DSST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H như sau:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Vợ chồng bà Trần Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ được nhận 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), thanh toán từ giá trị nhà đất số 18A cư xá Phú Bình trước khi phân chia cho những người được hưởng di sản tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2.2. Xác định nhà đất số 18A cư xá Phú Bình, đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố H là di sản của cụ Chúc A T⁵ và Phạm Tuyết V.

Sau khi khấu trừ số tiền cho vợ chồng bà Trần Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ đã nêu tại tiêu mục 2.1 của Quyết định này, giá trị còn lại của nhà đất 18A cư xá Phú Bình được phân chia như sau:

- Bà Chúc Anh T được hưởng 16,67% (tạm tính 517.359.689 đồng).
- Ông Chúc Vi P được hưởng 83,33% (tạm tính 2.586.177.735 đồng).

2.3. Về án phí:

2.3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Chúc Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.694.200 đồng và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 09870 ngày

07/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố H. Bà T còn phải nộp thêm 12.694.200 đồng (*Mười hai triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm đồng*).

- Ông Chúc Vi P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 83.723.500 đồng (*Tám mươi ba triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng*).

2.3.2. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho bà Chúc Anh T tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0025692 ngày 14/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

- Hoàn trả cho ông Chúc Vi P tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0025669 ngày 13/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư ngụ tại nhà đất số 18A cư xá Phú Bình có trách nhiệm giao lại nhà đất theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền; về chi phí khảo sát, đo đạc không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

